

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT, CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: Khoa XHH - CTXH - ĐNÁ

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
1	2021/XHH	2156013114	Hoàng Mỹ	Xuân	08/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
2		2156013091	Phan Ngọc Anh	Thương	02/12/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
3		2156013066	Hoàng Thị Thu	Phương	12/08/2003	2021	CQ_CN	3.50000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
4		2156010461	Lê Huỳnh Hải	Yến	11/12/2002	2021	CQ_CN	3.50000	81	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
5		2156013108	Nguyễn Hoàng Gia	Vy	08/06/2003	2021	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
6		2156013021	Thân Thị Thùy	Duyên	03/12/2003	2021	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
7		2156013012	Lương Thị Kiều	Cầm	08/07/2002	2021	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
8		2156013111	Trần Nguyễn Phương	Vy	25/11/2003	2021	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
9		2156013064	Phan Ngọc Mộng	Như	03/08/2003	2021	CQ_CN	3.50000	100	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
10		2156013056	Nguyễn Hoàng	Nguyên	16/04/2003	2021	CQ_CN	4.00000	78	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
11		2156013018	Phạm Hồng	Diễm	20/10/2002	2021	CQ_CN	4.00000	72	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
12		2156013107	Mát Ngọc Khánh	Vy	07/09/2003	2021	CQ_CN	4.00000	76	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
14		2156013010	Nguyễn Thị Hồng	Ấn	03/11/2003	2021	CQ_CN	4.00000	71	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
15		2156013072	Trần Thị	Quý	12/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	75	Khá	2,028,000	50%	1,014,000
17		2156023020	Trương Ngọc	Ánh	02/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	90	Xuất sắc	2,028,000	100%	2,028,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc DT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
18	2021/CTXH	2156023237	Nguyễn Ngọc	Ý	29/01/2003	2021	CQ_CN	4.00000	100	Xuất sắc	2,028,000	100%	2,028,000
20		2156023063	Phạm Thị Hồng	Hạnh	19/03/2003	2021	CQ_CN	4.00000	82	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
21		2156023110	Nguyễn Ngọc Như	May	25/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
25		2156023233	Vũ Thị Hồng	Vy	24/12/2003	2021	CQ_CN	4.00000	89	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
26		2156023091	Võ Trần Kim	Khánh	27/12/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
27		2156023159	Nguyễn Bá	Quyển	29/12/2003	2021	CQ_CN	4.00000	88	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
28		2156023012	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/04/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
29		2156023154	Nguyễn Thị Hoàng	Phương	16/06/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
30		2156023066	Nguyễn Lê Thúy	Hằng	01/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
31		2156023109	Tô Xuân Ngọc	Mai	08/09/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
32		2156023087	Huỳnh Kim	Khanh	30/07/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
33		2156020195	Nguyễn Minh	Tâm	10/06/2003	2021	CQ_CN	4.00000	81	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
30		2156023192	Phan Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
31		2156023169	Lê Hoàng Mai	Thảo	10/08/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
32		2156020146	Dương Ngọc Phương	Nhi	22/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
33		2156023092	Ngô Đăng	Khoa	02/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
34	2021/ĐNÁH	2156010297	Hồ	Safidah	05/06/2003	2021	CQ_CN	4.00000	90	Xuất sắc	2,028,000	100%	2,028,000
35		2155010350	Nguyễn Nhật Phương	Uyên	23/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	90	Xuất sắc	2,028,000	100%	2,028,000
36		2155013044	Lê Thị Hằng	Nga	07/04/2003	2021	CQ_CN	4.00000	81	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
37		2155013024	Cao Ngọc	Hiền	28/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	83	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
38		2155013085	Đỗ Thị Thủy	Tiên	09/08/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
39		2155013074	Trần Thị Hoàng	Thơ	13/01/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
40		2155013002	Nguyễn Đặng Quỳnh	Anh	20/11/2003	2021	CQ_CN	4.00000	89	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
41		2155013030	Trần Đức	Khánh	07/03/2003	2021	CQ_CN	4.00000	88	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc DT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
42		2155013073	Đoàn Ngọc Anh	Thi	31/10/2003	2021	CQ_CN	4.00000	86	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
43		2155013021	Nguyễn Khánh	Hà	08/04/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
44		2155013072	Nguyễn Nhựt	Tân	27/09/2002	2021	CQ_CN	4.00000	85	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
45		2155010087	Văn Thị Minh	Hiền	02/02/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
46		2155010171	Nguyễn Thảo	Ngân	26/09/2003	2021	CQ_CN	4.00000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
47		2155013092	Phan Gia Đức	Trí	23/10/2003	2021	CQ_CN	3.50000	80	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
49		2155010233	Trương Thị Mai	Phương	01/12/2003	2021	CQ_CN	3.50000	89	Giỏi	2,028,000	70%	1,419,600
51		2256012078	Nguyễn Huỳnh	Trân	06/12/2004	2022	CQ_CN	3.78571	90	Xuất sắc	7,681,000	100%	7,681,000
52	2022/XHH	2256012035	Nguyễn Ái Mỹ	Linh	05/04/2004	2022	CQ_CN	3.71429	93	Xuất sắc	7,681,000	100%	7,681,000
53		2256010072	Trần Thị Mỹ	Thường	24/11/2003	2022	CQ_CN	3.67857	90	Xuất sắc	7,681,000	100%	7,681,000
54		2256012045	Lê Ly Yến	Ngọc	02/10/2004	2022	CQ_CN	3.89286	80	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
55		2256012022	Hoàng Thị Thùy	Dương	26/10/2004	2022	CQ_CN	3.67857	86	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
56		2256012048	Phạm Bích	Ngọc	08/08/2004	2022	CQ_CN	3.67857	86	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
57		2256012065	Nguyễn Minh	Thiện	27/03/2004	2022	CQ_CN	3.57143	80	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
58		2256010055	Lê Anh	Như	14/07/2004	2022	CQ_CN	3.57143	90	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
59		2256012042	Đặng Bảo	Ngân	01/08/2004	2022	CQ_CN	3.57143	86	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
60		2256010081	Đặng Thị Thùy	Trang	14/03/2004	2022	CQ_CN	3.57143	93	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
61		2256010021	Lê Thị Thanh	Hà	18/02/2004	2022	CQ_CN	3.57143	86	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
62		2256010069	Đỗ Đặng Anh	Thư	06/02/2004	2022	CQ_CN	3.57143	81	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
63		2256010083	Nguyễn Thùy	Trang	08/05/2004	2022	CQ_CN	3.50000	80	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
64		2256010039	Nguyễn Huỳnh Trúc	Mi	18/09/2004	2022	CQ_CN	3.50000	85	Giỏi	7,681,000	70%	5,376,700
67	2022/CTXH	2256022088	Nguyễn Diễm	Trình	20/02/2002	2022	CQ_CN	3.56250	80	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
68		2256022032	Nguyễn Quỳnh Khánh	Linh	30/10/2004	2022	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
69		2256022077	Lê Nhật	Thiên	07/03/2004	2022	CQ_CN	3.34375	83	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
70		2256022045	Võ Nguyễn Mỹ	Ngọc	17/07/2004	2022	CQ_CN	3.28125	100	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
71		2256022099	Nguyễn Thị Tường	Vy	08/01/2004	2022	CQ_CN	3.25000	80	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
72		2256022015	Phạm Thị Mỹ	Duyên	26/10/2004	2022	CQ_CN	3.21875	86	Giỏi	8,652,000	70%	6,056,400
73		2256022057	Phạm Thị Hồng	Phúc	01/01/2004	2022	CQ_CN	3.34375	78	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
74		2256022074	Trần Thu	Thảo	24/10/2004	2022	CQ_CN	3.34375	78	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
75		2256020019	Nguyễn Phạm Diệu	Linh	19/06/2004	2022	CQ_CN	3.09375	67	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
76		2256020056	Hồ Phan Thị	Vy	13/10/2004	2022	CQ_CN	3.09375	86	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
77		2256020027	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	29/03/2004	2022	CQ_CN	3.00000	93	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
78		2256022001	Lê Võ Hoàng	Anh	29/10/2003	2022	CQ_CN	2.96875	100	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
80		2256020033	Trương Thị Thanh	Nhàn	30/03/2004	2022	CQ_CN	2.96875	80	Khá	8,652,000	50%	4,326,000
82		2255012081	Mã Mỹ Tường	Vy	21/07/2004	2022	CQ_CN	3.90000	93	Xuất sắc	5,200,000	100%	5,200,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khoá học	Bậc DT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
83	2022/ĐNÁH	2255010027	Nguyễn Quốc	Kiệt	08/10/2002	2022	CQ_CN	3.80000	97	Xuất sắc	5,200,000	100%	5,200,000
84		2255010012	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	01/07/2004	2022	CQ_CN	3.65000	90	Xuất sắc	5,200,000	100%	5,200,000
85		2255010043	Lê Hoàng Bảo	Ngân	07/05/2004	2022	CQ_CN	3.60000	96	Xuất sắc	5,200,000	100%	5,200,000
86		2255010020	Phạm Ngọc Minh	Hiền	20/11/2003	2022	CQ_CN	3.85000	80	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
87		2255012077	Trần Ngọc Tường	Uyên	10/07/2004	2022	CQ_CN	3.70000	83	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
88		2255010091	Dương Nguyễn Dung	Trang	14/10/2004	2022	CQ_CN	3.65000	81	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
89		2255012040	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	05/08/2003	2022	CQ_CN	3.65000	83	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
90		2255010025	Lê Ân Gia	Khánh	10/01/2004	2022	CQ_CN	3.60000	80	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
91		2255010098	Nguyễn Hoàng	Tú	01/03/2004	2022	CQ_CN	3.60000	86	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
92		2255012055	Võ Nguyễn Tiểu	Quy	10/04/2004	2022	CQ_CN	3.55000	89	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
93		2255010044	Lưu Châu Ánh	Ngọc	11/08/2004	2022	CQ_CN	3.50000	81	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
94		2255010077	Tạ Thanh	Thu	30/10/2003	2022	CQ_CN	3.50000	80	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
95		2255012034	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ	04/06/2004	2022	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
96		2255012079	Châu Thanh	Vy	21/03/2004	2022	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
97		2255010054	Dương Thị Tuyết	Như	11/08/2004	2022	CQ_CN	3.45000	85	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
98		2255010076	Phạm Nguyễn Anh	Thư	08/07/2004	2022	CQ_CN	3.40000	88	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
99	2023/XHH	2255012011	Nguyễn Đức	Duy	09/08/2004	2022	CQ_CN	3.35000	83	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
100		2255012066	Lưu Minh	Thư	05/11/2004	2022	CQ_CN	3.35000	80	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
102		2255010094	Nguyễn Hoàng	Trình	09/04/2004	2022	CQ_CN	3.30000	96	Giỏi	5,200,000	70%	3,640,000
105		2356010092	NGUYỄN HOÀN XUÂN	THI	31/05/2005	2023	CQ_CN	3.70000	92	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
106		2356010090	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/11/2005	2023	CQ_CN	3.60000	93	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
107		2356010039	HỒ MINH	KHAI	13/09/2005	2023	CQ_CN	3.60000	100	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
108		2356010131	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	07/01/2005	2023	CQ_CN	3.60000	90	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
109		2356010005	NGÔ THUY	ANH	19/01/2005	2023	CQ_CN	3.60000	93	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
110		2356010019	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	12/05/2003	2023	CQ_CN	3.60000	86	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
111		2356010128	ĐINH VÕ YẾN	VY	15/12/2005	2023	CQ_CN	3.50000	93	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
112		2356010117	NGUYỄN THỊ ANH	TUYẾT	07/11/2005	2023	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
113		2356010106	BUI THỊ THUY	TRANG	24/06/2005	2023	CQ_CN	3.50000	91	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
114		2356010071	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	14/10/2005	2023	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
115		2356010051	ĐẶNG THỊ VY	NAM	02/09/2005	2023	CQ_CN	3.40000	80	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
116		2356010089	NGUYỄN VŨ DA	THAO	20/07/2005	2023	CQ_CN	3.40000	90	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
117	2023/CTXH	2356010116	PHẠM THANH	TRÚC	15/11/2005	2023	CQ_CN	3.40000	83	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
118		2356010037	TÀNG HỒ QUỲNH	HƯƠNG	16/03/2005	2023	CQ_CN	3.40000	88	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
120		2356010047	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	MAI	20/06/2005	2023	CQ_CN	3.30000	100	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
121		2356010024	NGUYỄN TRỊNH NGỌC	HÂN	31/07/2005	2023	CQ_CN	3.30000	99	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
123		2356020130	CHU DIỆP PHƯƠNG	UYẾN	23/05/2005	2023	CQ_CN	3.50000	90	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
124		2356020071	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	01/10/2005	2023	CQ_CN	3.50000	87	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
125		2356020131	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	UYỄN	17/09/2005	2023	CQ_CN	3.50000	86	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
126		2356020043	NGUYỄN NGỌC	KHA	17/08/2005	2023	CQ_CN	3.50000	99	Giỏi	5,973,000	70%	4,181,100
127	2023/CTXH	2356020038	LÊ MINH	HƯƠNG	21/01/2005	2023	CQ_CN	3.37500	86	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
128		2356020002	LÊ THỊ NGỌC	ANH	30/01/2005	2023	CQ_CN	3.37500	83	Giỏi	5,973,000	70%	4,181,100
129		2356020076	PHÙNG THỊ YẾN	NHI	13/07/2005	2023	CQ_CN	3.37500	83	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc DT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
130		2356020013	LƯU MỸ	DUYỄN	16/04/2005	2023	CQ_CN	3.25000	83	Giỏi	6,084,000	70%	4,258,800
132		2356020099	NGUYỄN NHẬT	THỊNH	17/11/2005	2023	CQ_CN	3.25000	72	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
133		2356020122	LƯƠNG MINH	TRUNG	18/02/2005	2023	CQ_CN	3.25000	78	Khá	5,973,000	50%	2,986,500
134		2356020023	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	HẠNH	23/08/2005	2023	CQ_CN	3.25000	72	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
135		2356020029	TRƯỜNG THÁI NGỌC KHÁ	HẮN	11/05/2005	2023	CQ_CN	3.12500	69	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
136		2356020014	TRẦN NGỌC	DUYỄN	06/03/2005	2023	CQ_CN	3.12500	90	Khá	6,084,000	50%	3,042,000
140	2023/ĐNÁH	2355010004	LÊ VÕ KHÁNH	BĂNG	29/09/2005	2023	CQ_CN	4.00000	100	Xuất sắc	6,279,000	100%	6,279,000
141		2355010044	PHAN THIÊN NGỌC	KIM	30/04/2005	2023	CQ_CN	4.00000	96	Xuất sắc	6,279,000	100%	6,279,000
142		2355010177	NGUYỄN THỊ HỒNG	YẾN	11/09/2005	2023	CQ_CN	4.00000	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
143		2355010117	NGUYỄN HUỲNH TUYẾT	PHƯƠNG	29/09/2005	2023	CQ_CN	3.75000	83	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
144		2355010047	VY THỊ ÁI	LIỀN	06/11/2005	2023	CQ_CN	3.62500	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
145		2355010096	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	13/03/2005	2023	CQ_CN	3.62500	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
146		2355010028	HUỲNH GIA	HẮN	19/09/2005	2023	CQ_CN	3.50000	83	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
147		2355010053	TRẦN MAI	LINH	13/07/2005	2023	CQ_CN	3.50000	90	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
148		2355010174	NGUYỄN THỊ BÍCH	VY	21/03/2005	2023	CQ_CN	3.50000	93	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
149		2355010101	ĐỖ HUỲNH PHƯƠNG	NHƯ	15/11/2005	2023	CQ_CN	3.37500	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
150		2355010123	VŨ TRẦN KIM	QUỲNH	12/09/2004	2023	CQ_CN	3.37500	83	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
151		2355010076	GIÁP THỊ NHƯ	NGỌC	20/03/2005	2023	CQ_CN	3.37500	100	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
152		2355010141	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	07/05/2005	2023	CQ_CN	3.37500	90	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
153		2355010154	HUỲNH THỊ NGỌC	TRÂM	03/08/2005	2023	CQ_CN	3.25000	86	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
154		2355010157	TRẦN ĐỨC	TRÍ	29/06/2004	2023	CQ_CN	3.25000	83	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
155		2355010175	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	VY	04/12/2005	2023	CQ_CN	3.25000	93	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
156		2355010023	LÂM ĐÌNH NHẬT	HẠ	12/10/2005	2023	CQ_CN	3.25000	90	Giỏi	6,279,000	70%	4,395,300
160	2023/TLH	2356030013	XA HUYỄN	HẠNH	17/08/2005	2023	CQ_CN	3.70000	91	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
161		2356030009	NGUYỄN NGUYỄN	CHƯƠNG	23/01/2005	2023	CQ_CN	3.60000	100	Xuất sắc	7,605,000	100%	7,605,000
162		2356030012	VÌ THỊ HỒNG	HẠNH	07/11/2005	2023	CQ_CN	3.70000	83	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
163		2356030041	NGUYỄN KIM	THÙY	10/03/2005	2023	CQ_CN	3.60000	86	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
164		2356030026	THẦN HOÀNG KIM	NGẮN	20/12/2005	2023	CQ_CN	3.40000	86	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
165		2356030015	LẶNG NHƯ	HUYỄN	03/09/2005	2023	CQ_CN	3.40000	86	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500
166		2356030016	ĐỖ ĐĂNG	KHOA	02/11/2005	2023	CQ_CN	3.40000	90	Giỏi	7,605,000	70%	5,323,500

Xuất sắc: **20** Sinh viên
Giỏi: **109** Sinh viên
Khá: **17** Sinh viên

Tổng cộng: **146**

Tổng số tiền HBKKHT: **559,522,300 đồng**

(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai ngàn ba trăm đồng)

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

LÃNH ĐẠO PHÒNG CTSVTT

PHÓ TRƯỞNG KHOA

Lê Nguyễn Quốc Khang

Trần Văn Trí

Lâm Thị Ánh Quyên